

DANH SÁCH PHÒNG CHỜ

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** B1.303

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 16/12/2020

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Phòng	Ghi chú
1	TA0001	Phạm Thị	Hương	28/08/1995		
2	TA0002	Hoàng Thu	Hương	09/10/1995		
3	TA0003	Nguyễn Ngọc	Lê	09/05/1999		
4	TA0004	Nguyễn Văn	Quyền	05/12/1990		
5	TA0005	Trần Văn	Nam	11/01/1981		
6	TA0006	Vũ Thanh	Tâm	12/10/1980		
7	TA0007	Lê Việt	Trung	20/02/1999		
8	TA0008	Vũ Hữu	Phong	10/11/1995		
9	TA0009	Đặng Thế	Anh	06/06/1995		
10	TA0010	Phạm Thùy	Dung	07/02/1985		
11	TA0011	Cao Hà	Linh	08/06/1995		
12	TA0012	Trần Thị Vân	Anh	20/12/1995		
13	TA0013	Phạm Quang	Vũ	18/02/1989		
14	TA0014	Nguyễn Thị Thanh	Dung	20/07/1987		
15	TA0015	Nguyễn Văn	Tiến	21/05/1983		
16	TA0016	Lại Đức	Trung	28/01/1999		
17	TA0017	Trần Văn	Doanh	05/12/1987		
18	TA0018	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999		
19	TA0019	Phạm Tấn	Thành	04/06/1996		
20	TA0020	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999		
21	TA0021	Nguyễn Văn	Thái	25/02/1999		
22	TA0022	Nguyễn Ngọc	Ánh	03/03/1999		
23	TA0023	Lục Bằng	Giang	06/08/1996		
24	TA0024	Khuất Thị	Huyền	11/3/1999		
25	TA0025	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992		
26	TA0026	Võ Minh	Nam	17/11/1999		
27	TA0027	Nguyễn Kim	Trọng	13/12/1989		
28	TA0028	Nguyễn Thu	Thủy	12/03/1999		
29	TA0029	Đàm Hữu	Anh	29/01/1995		
30	TA0030	Nguyễn Văn	Quyền	01/5/1998		
31	TA0031	Đinh Quý	Hải	20/12/1995		
32	TA0032	Nguyễn Minh	Tâm	02/9/1987		

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Phòng	Ghi chú
33	TA0033	Nguyễn Thu	Trà	13/5/1996		
34	TA0034	Vũ Thị Quỳnh	Hương	25/7/1986		
35	TA0035	Đỗ Thành	Tài	03/01/1976		
36	TA0036	Trần Hoàng	Minh	12/8/1996		
37	TA0037	Lưu Thị	Huê	23/10/1983		
38	TA0038	Nguyễn Thị	Thanh	20/6/1999		
39	TA0039	Nguyễn Thị	Hà	15/3/1999		
40	TA0040	Nguyễn Thùy	Trang	20/3/1999		
41	TA0041	Đỗ Trọng	Hòa	14/12/1999		
42	TA0042	Đặng Anh	Minh	25/4/1999		
43	TA0043	Lê Vĩnh	Sơn	10/7/1975		
44	TA0044	Nguyễn Mạnh	Toàn	24/12/1999		
45	TA0045	Đỗ Văn	Luật	29/3/1999		
46	TA0046	Lê Thị	Vân	15/5/1999		
47	TA0047	Nguyễn Thị	Chinh	17/7/1999		
48	TA0048	Lê Minh	Ngọc	25/6/1968		
49	TA0049	Vũ Hoàng Nhật	Minh	12/3/1994		
50	TA0050	Bùi Xuân	Chinh	5/4/1995		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)